

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày : 12/7/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Thu Trà

Ông Đỗ Tiến Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

TRƯƠNG NGỌC KHÁNH N; sinh ngày 12 tháng 10 năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số 256/25A đường P, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: số 81 đường T, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn Minh và bà Nguyễn Thị N; có chồng: Nguyễn Đức T và 01 con: sinh năm 2021; tiền án: Ngày 12/5/2004, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 146/2004/HSST), bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

**Bị hại:** Công ty TNHH Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực P

Địa chỉ trụ sở: số 70 đường Mạc Q, phường E, quận F, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Ngọc T – Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Anh Quang T, sinh năm 1973

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực P

Địa chỉ chi nhánh: 62/2 Đường T, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: số 54/14 đường X, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Phạm Ngọc N1, sinh năm 1998, nơi cư trú: số 793/28/1/20/8 đường Trần Xuân S, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

2. Anh Lê Ái H, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp Gò C, thị trấn M, huyện N, tỉnh Long An.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRƯƠNG NGỌC KHÁNH N là Kế toán trưởng của Chi nhánh Công ty TNHH Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực P (từ đây viết tắt là công ty P), địa chỉ: 62/2 Đường T, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng số 02/QĐ-2020 ngày 07/01/2020 do ông Trần Anh Quang T – Giám đốc Chi nhánh công ty bổ nhiệm. Ngoài nhiệm vụ kế toán thì công ty P còn giao cho N nhiệm vụ đến Ngân hàng TMCP Q – CN Bàu Cát, số 66 Đường T, Phường C, quận D để thực hiện giao dịch rút tiền về cho công ty khi công ty có yêu cầu.

Ngày 09/7/2021, ông Trần Anh Quang T nhận được thông báo từ công ty đối tác đã chuyển số tiền khoảng 500.000.000 đồng vào tài khoản công ty P tại Ngân hàng Q – CN Bàu Cát nên ông T đã ký 02 tờ ủy nhiệm chi (chưa ghi nội dung giao dịch và số tiền) đưa cho N đến Ngân hàng để rút tiền về cho công ty (làm thủ tục chuyển từ tài khoản của công ty qua tài khoản của ông T theo như quy định của công ty). Khi đến ngân hàng, N kiểm tra tài khoản số 643704060048636 của công ty P thấy có số tiền 493.000.000 đồng từ đối tác chuyển đến. Nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của công ty P để giải quyết việc của cá nhân nên N điền vào ủy nhiệm chi chuyển số tiền 93.000.000 đồng từ tài khoản công ty sang số tài khoản 103800001929 của Trương Ngọc Khánh N đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP V. Sau đó, N điện thoại nói dối với ông T tài khoản công ty P chưa nhận được tiền, ông T tin tưởng nên nhắc N theo dõi, khi nào tiền về thì rút.

Đối với N, sau khi nhận được số tiền 93.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản của công ty P, N đã rút ra sử dụng 88.000.000 đồng vào tiêu dùng cá nhân,

chuyển đến tài khoản số 10886808657 Ngân hàng V của chị Phạm Ngọc N1 (cháu của N) 5.000.000 đồng để nhờ N đầu tư tiền ảo.

Tiếp theo, ngày 16/07/2021, N tiếp tục sử dụng 01 Ủy nhiệm chi (do ông Tký tên, đóng dấu nhưng chưa ghi nội dung, số tiền) đến Ngân hàng Q - CN Bàu Cát làm thủ tục chuyển số tiền 400.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty P sang tài khoản số 009444993 do Phạm Ngọc N1 (cháu của N) đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Q để nhờ N đầu tư tiền ảo. Sau khi chuyển tiền, N điện thoại cho N nói là có người nhờ đầu tư tiền ảo kiếm lời nên N đã chuyển vào tài khoản của N 400.000.000 đồng và nhờ N đầu tư tiền ảo giúp. Sau khi nghe N nói như vậy nên N đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 108873024535 Ngân hàng V - Chi nhánh Long An do Lê Ái H đăng ký (tài khoản do trang web cung cấp “M.5GGSM.APP”) để đầu tư tiền ảo của N trên trang web “M.5GGSM.APP”.

Từ ngày 17/07/2021 đến ngày 31/07/2021 lợi nhuận từ trang web “M.5GGSM.APP” mỗi ngày là 9.504.000 đồng, N chuyển khoản vào tài khoản số 103800001929 do Trương Ngọc Khánh N đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP V Tổng số tiền N nhận được là 142.560.000 đồng. Số tiền này N sử dụng tiêu xài cá nhân và tiếp tục chuyển từ tài khoản của mình vào tài khoản tên Lê Ái H 94.800.000 đồng để đầu tư tiền ảo.

Đối với ông T, từ ngày 09/7/2021 đến 16/7/2021, liên tục gọi điện nhắc N kiểm tra tài khoản công ty để rút tiền về nhưng đều được N trả lời là chưa có tiền.

Ngày 01/08/2021, N phát hiện trang web đầu tư tiền ảo “M.5GGSM.APP” không truy cập được, N mất toàn bộ tiền đầu tư.

Ngày 03/08/2021, N báo với ông T về việc chiếm đoạt số tiền 493.000.000 đồng của công ty và cam kết sẽ trả lại số tiền 493.000.000 đồng cho Công ty P.

Ngày 07/8/2021, Ông T đã đến Công an Phường C, quận D trình báo việc Trương Ngọc Khánh N là kế toán của công ty đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, chiếm đoạt của Công ty số tiền 493.000.000 đồng.

Kết quả điều tra xác minh thể hiện:

- Xác minh tài khoản số 643704060048636 tên Chi nhánh Công ty TNHH Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực P do ông Trần Anh Quang T làm chủ tài khoản được mở tại Ngân hàng Q – CN Bàu Cát. Ngày 09/07/2021 và 16/07/2021, Trương Ngọc Khánh N đã thực hiện rút tiền từ tài khoản của công ty P bằng ủy nhiệm chi, thực hiện giao dịch chuyển tiền lần lượt là 93.000.000 đồng và 400.000.000 đồng đến các số tài khoản: 103800001929 tên Trương Ngọc Khánh N thuộc ngân hàng V-PGD Bàu Cát và 009444993 tên Phạm Ngọc N1 thuộc ngân hàng Q– CN Bàu Cát.

- Xác minh tại ngân hàng V – PGD Bàu Cát tài khoản số: 103800001929 là của Trương Ngọc Khánh N, sau khi nhận được số tiền 93.000.000 đồng từ tài khoản Công ty P. Số tiền này sau đó đã được N giao dịch phục vụ mục đích cá nhân.

- Xác minh tài khoản 009444993 tên Phạm Ngọc N1 mở tài khoản ngân hàng Q – CN Sài Gòn xác nhận ngày 16/07/2021, tài khoản Phạm Ngọc N1 nhận được số tiền 400.000.000 đồng từ công ty P. Sau khi nhận được số tiền trên, Như đã chuyển 400.000.000 đồng chuyển đến tài khoản 108873024535 tên Lê Ái H thuộc ngân hàng V.

- Xác minh tài khoản số: 108873024535, ngân hàng V – CN Long An do ông Lê Ái H đăng ký tài khoản. Qua sao kê của tài khoản 108873024535 thể hiện trong ngày 16/07/2021, tài khoản trên nhận số tiền 400.000.000 đồng từ các tài khoản ngân hàng của Phạm Ngọc N1.

Quá trình điều tra, ông Lê Ái H trình bày có đăng ký mở tài khoản trên tuy nhiên sau đó đã rơi mất thẻ nên ông H không biết ai đang trực tiếp sử dụng thẻ hay sử dụng vào mục đích gì. Ông H không có quan hệ gì với Trương Ngọc Khánh N và không biết gì về số tiền 400.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của mình. Hiện số tài khoản trên đã bị ngân hàng V – CN Long An tạm khóa theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình. Với kết quả này, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý hình sự đối với ông Lê Ái H.

Đối với Phạm Ngọc N1, quá trình điều tra Như khai nhận không biết nguồn gốc số tiền 400.000.000 đồng do Trương Ngọc Khánh N phạm tội mà có. Trang web “M.5GGSM.APP” chuyển tiền lãi từ việc đầu tư tiền ảo về cho N theo nhiều tài khoản khác nhau, N không biết và không có quan hệ gì với các chủ tài khoản này. Riêng với tài khoản Lê Ái H là tài khoản nạp tiền mặc định của trang web “M.5GGSM.APP”. Như và N không có mối quan hệ cũng như chưa từng làm việc trực tiếp với chủ tài khoản này. N không biết về nguồn gốc số tiền 400.000.000 đồng do Trương Ngọc Khánh N chuyển cho là do N phạm tội mà có. Kết quả điều tra như trên không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm Ngọc N.

Vật chứng vụ án: 01 ủy nhiệm chi ngày 09/07/2021 số tiền 93.000.000 đồng và 01 ủy nhiệm chi ngày 16/07/2021 số tiền 400.000.000 đồng (liên 2) (lưu cùng hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 11/08/2021, Trương Ngọc Khánh N đã khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 493.000.000 đồng, ông Trần Anh Quang T đại diện Công ty P đã nhận đủ số tiền.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Ngọc Khánh N đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Trương Ngọc Khánh N về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo, bị hại thì hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán trưởng của công ty, được giao nhiệm vụ đến Ngân hàng TMCP Q – CN Bà Rịa để thực hiện giao dịch chuyển tiền cho công ty nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng yêu

cầu mà chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bị cáo để chiếm đoạt của công ty số tiền tổng cộng 493.000.000 đồng, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 lần vào ngày 09/7/2021 và 16/7/2021, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo phạm tội do cố ý, tái phạm nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại. Từ căn cứ trên, đề nghị áp dụng điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm c, d khoản 2 Điều 355 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại công ty TNHH Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực P vắng mặt nhưng căn cứ hồ sơ vụ án, nhận thấy bị hại đã được bồi thường đủ số tiền bị chiếm đoạt, hiện nay không có yêu cầu, thắc mắc khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Quá trình điều tra xác định bị cáo thu lợi bất chính được số tiền 142.560.000 đồng từ hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 142.560.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 ủy nhiệm chi ngày 09/07/2021 số tiền 93.000.000 đồng và 01 ủy nhiệm chi ngày 16/07/2021 số tiền 400.000.000 đồng (liên 2) là chứng cứ của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo có con còn nhỏ, bản thân là lao động chính để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Trương Ngọc Khánh N về hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, bị hại thì hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán trưởng của công ty, được giao nhiệm vụ đến Ngân hàng TMCP Q – CN Bà Rịa để thực hiện giao dịch chuyển tiền cho công ty nhưng bị cáo đã không thực hiện đúng yêu cầu mà 02 lần vào ngày 09/7/2021 và 16/7/2021 chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bị cáo để chiếm đoạt của công ty số tiền tổng cộng 493.000.000 đồng là hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời qua phân phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét do muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Việc đại diện viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm c, d khoản 2 Điều 355 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng căn cứ hồ sơ vụ án, nhận thấy bị hại đã được bồi thường đủ số tiền bị chiếm đoạt 493.000.000 đồng, hiện nay không có yêu cầu, thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết và thống nhất không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Quá trình điều tra xác định bị cáo thu lợi bất chính được số tiền 142.560.000 đồng từ hành vi phạm tội nên buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 142.560.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 ủy nhiệm chi ngày 09/07/2021 số tiền 93.000.000 đồng và 01 ủy nhiệm chi ngày 16/07/2021 số tiền 400.000.000 đồng (liên 2) là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án như đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 355; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc Khánh N phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: TRƯƠNG NGỌC KHÁNH N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 142.560.000 (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Tịch thu và giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình 01 ủy nhiệm chi ngày 09/07/2021 số tiền 93.000.000 đồng và 01 ủy nhiệm chi ngày 16/07/2021 số tiền 400.000.000 đồng (liên 2) để lưu vào hồ sơ vụ án.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Trí**